



KIỂU NHÂN VẬT ĐẠO SĨ VÀ DẬT SĨ TRONG TRUYỆN KÌ MẠN LỤC CỦA NGUYỄN DŨ

Lê Văn Tấn^{1}, Kim Ki Hyun²*

¹Học viện Khoa học xã hội - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

²Khoa Văn học - Học viện Khoa học xã hội

Ngày tòa soạn nhận bài: 10-5-2017; Ngày phân biên đánh giá: 13-5-2017; Ngày chấp nhận đăng: 27-8-2017

TÓM TẮT

Truyện kì mạn lục của Nguyễn Dữ đánh dấu một bước tiến dài của sự phát triển thể loại truyện ngắn truyền kì trung đại Việt Nam. Bằng sự kết hợp hài hòa yếu tố kì và thực, với trí tưởng tượng phong phú và bay bổng, nhà văn đã xây dựng thành công các loại hình nhân vật trong tập truyện, trong đó không thể không nhắc tới kiểu nhân vật đạo sĩ và dật sĩ mang hình bóng và tâm sự của ông. Đây cũng là nội dung chính được luận giải trong bài báo này.

Từ khóa: Nguyễn Dữ, nhân vật dật sĩ, nhân vật đạo sĩ, Truyện kì mạn lục, truyện ngắn truyền kì.

ABSTRACT

The Taoist hermit and the recluse in the Truyen ki man luc of Nguyen Dữ

Truyen ki man luc of Nguyễn Dữ marks a long stride in the development of the fantasy short story medium in medieval Vietnam. Using a harmonious combination of realistic and mystic factors, the imaginative mind, the author managed to develop different types of characters in the collection, among which were the Taoist hermit and the recluse which carried the reflection of his life and thoughts. This is the main content of the article.

Keywords: Nguyễn Dữ, recluse character, Taoist hermit character, Truyen ki man luc, fantasy short story.

1. Đặt vấn đề

Nguyễn Dữ được đánh giá là một trong những danh nho hầu như sống “*nhân dật*” chốn lâm tuyền suốt cuộc đời của mình. Ông là người làng Gia Phúc, Hồng Châu, nay là xã Đoàn Tùng, Thanh Miện, Hải Dương. Nguyễn Dữ là con trai cả của Tiến sĩ, Thượng thư Nguyễn Tường Phiêu. Ngay từ nhỏ, ông đã nổi tiếng là thông minh ham học hỏi, lại được hấp thụ sở học của cha nên ông có vốn hiểu biết rộng, đọc

nhiều, nhớ nhiều, từng ôm ấp lí tưởng quan trường, lấy văn chương nối nghiệp nhà. Sau khi đậu Hương tiến (học vị Cử nhân) Nguyễn Dữ thi Hội và đạt trúng trường, từng làm Tri huyện Thanh Toàn (có sách ghi Thanh Tuyền), nay là Bình Xuyên, Vĩnh Phúc nhưng chỉ được một năm thì ông từ quan với lí do là chăm sóc mẹ già, giữ trọn đạo hiếu. Từ đó “*mấy năm dư*

* Email: tanlv0105@gmail.com

không đặt chân đến chốn thị thành"¹. Và đây cũng là thời gian Nguyễn Dữ sáng tác áng “*thiên cổ kì bút*” *Truyện kì mạn lục*. Trong tập truyện, tác giả đã xây dựng thành công kiểu nhân vật đạo sĩ và dật sĩ (cũng có thể gọi là hình tượng người ẩn dật) mang hình bóng và tư tưởng của chính nhà văn. Dưới đây cũng tôi sẽ đi sâu khảo sát và đánh giá về sự xuất hiện và ý nghĩa của hai kiểu nhân vật có nhiều liên đới này.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Kiểu nhân vật đạo sĩ

Khảo sát tập Truyện kì mạn lục, chúng tôi nhận thấy có 7/20 truyện xuất hiện hình kiểu nhân vật là đạo sĩ. Đó là các truyện sau đây: 1) Chuyện Nghiệp oan của Đào Thị, 2) Chuyện đối tụng ở Long cung, 3) Chuyện Phạm Tử Hư lên chơi thiên tào, 4) Chuyện cây gạo, 5) Chuyện gã Trà đồng giáng sinh, 6) Chuyện chức Phán sự đền Tân Viên, và 7) Chuyện tướng Dạ Xoa.

Số lượng tác phẩm xuất hiện kiểu nhân vật đạo sĩ như vậy có thể gọi là nhiều. Điều này lí giải sự ảnh hưởng Đạo giáo khá sâu sắc trong tư tưởng của nhà văn. Hầu hết các nhân vật đạo sĩ được nhắc đến ở đây có đặc điểm là tài ba, phép thuật tinh thông, có thể trừ được yêu ma ở hạ giới, giúp người dân tránh được nhiều tai họa. Các đạo sĩ dù ở rất xa, ở rất sâu, rất cao trong rừng núi nhưng khi người dân mắc phải nghiệp oan hay ma quỷ lộng hành, họ đều nhận lời mời hoặc tự nguyện, tự biết để trở về mà giúp đỡ. Nếu như đạo sĩ, trong

trường hợp này mang hình bóng của tác giả, thì rõ ràng, dù lựa chọn cuộc sống ẩn song Nguyễn Dữ vẫn không người ngóng trông về thế sự. Triều chính lúc đó có thể khiến cho ông bất hợp tác nhưng ông vẫn biết rõ nó đang diễn ra như thế nào. Và mối quan hoài thế sự của ông ở đây được đặc biệt hướng tới cuộc sống, hạnh phúc của người dân. Điều này khiến cho các đạo sĩ xuất hiện trong tác phẩm đều có đặc điểm là thiện tâm, hiền lành, giúp đỡ vô điều kiện. Ví như sư Pháp Vân trong *Chuyện Nghiệp oan của Đào Thị* vốn đã nhìn thấu tâm địa xấu xa của ả Hàn Than nên đã nhắc sư Vô Kì: “*Người con gái này, nét không cần nguyện, tính bén lẳng lơ, tuổi đã trẻ trung, sắc lại lộng lẫy, ta e lòng thiên không phải đá, sắc đẹp dễ mê người; tuy sen hồng chẳng nhuộm bùn đen, nhưng tác mây dễ mờ bóng nguyệt. Vậy người nên liệu lời từ chối, đừng để hối hận về sau*”. Nhưng sư Vô Kì đã không nghe và sau đó tư thông với ả Hàn Than, chẳng còn để ý đến kinh kệ nữa. Sau khi Hàn Than có thai, ốm rồi chết thì Vô Kì theo đó, đau buồn sinh bệnh cũng chết theo. Pháp Vân cảm ân tình cũ nên cũng hạ cố xuống núi thăm Vô Kì và sau đó là giúp gia đình quan hành khiển Ngụy Nhược Chân trị yêu quái (hiện thân là Long Thúc và Long Quý): “*Bấy giờ sư cụ mới vui vẻ nhận lời. Bèn dựng một đàn tràng ngay ở trên núi, treo đèn bốn mặt và lấy bút son vẽ bùa dấu. Ước độ trống cánh thì có đám mây đen mười trượng bao bọc ở xung quanh đàn, một con gió lạnh thổi ào làm cho người phải ghé sợ. Sư cụ cầm cây tích trượng chỉ huy tả hữu, có lúc lại ra khỏi đàn làm ra bộ quát*

¹ Cù Hựu - Nguyễn Dữ, *Tiền đăng tân thoại - Truyện kì mạn lục*, đã dẫn, tr.204. Trích dẫn tác phẩm trong bài viết, từ đây đều lấy từ cuốn này.

mắng. Nhược Chân ngồi ở một ngôi nhà phía xa, vén màn trông trộm; nhưng vắng lặng chẳng thấy gì cả, chỉ nghe trên không có tiếng khóc y y, một lúc tiếng tắt mà đám mây cũng tan...”. Làm xong việc nghĩa thiện đó, Pháp Vân không nhận bổng lộc vàng bạc gì mà: “...đến nơi thì thấy am có rêu phong, không tìm nhận ra được vết đi nào cả...”. Đó cũng là hình tượng nhân vật đạo nhân trong *Chuyện cây gạo*. Trong truyện này, nhân vật Nhị Khanh (vốn là hồn ma của cô con gái của ông cụ Hối, chết lúc 20 tuổi) đã quyến rũ, rồi quan hệ luyến ái với Trình Trung Ngộ. Sau đó, khi Trung Ngộ chết đã cùng với Nhị Khanh “...phàn những đêm tối trời, người ta thường thấy hai người dắt tay nhau đi dạo, khi thì hát, khi thì khóc. Hai người thường bắt người ta phải khấn cầu lễ bái, hễ hơi không được như ý thì làm tai làm vạ... Linh hồn của hai người bèn nương tựa vào cây gạo ấy làm yêu làm quái, hễ ai động đến cành lá cây gạo thì dao gãy dùi mẻ, không thể nào dẫn phạt được”. Không những gây tai vạ, ức hiếp người dân mà Nhị Khanh và Trung Ngộ còn thách thức cả lễ giáo truyền thống: “... đạo nhân thấy một đôi trai gái, thân thể lỏa lồ mà cùng nhau cười đùa nô giỡn...”. Hành vi của họ đã không thể qua mắt được vị đạo nhân tinh thông phép thuật. Trước sự cợt nhả của đôi trai gái vô đạo, ban đầu đạo nhân chỉ khinh bỉ “cứ đóng cửa nằm im, không thềm đánh tiếng” song khi nghe được tâm sự của cụ già trong thôn thì đạo nhân đã: “-Ta vốn lấy việc cứu giúp mọi người làm nhiệm vụ, cái việc mắt ta trông thấy, nếu chẳng đem pháp thủ ra tức là thấy người chết đuối mà không cứu

vớt”. Sau đó, đạo nhân đã cùng với dân làng lập đàn tràng cúng tế để trừ yêu ma. Lời lẽ và hành động của đạo nhân rất dứt khoát và quyết liệt: “- Những tên dâm quỷ, càn rỡ đã lâu, nhờ các thần linh, trừ loài nhor bản, phép thuật không chậm trễ, hỏa tốc phụng hành. Một lúc, mây gió nổi lên ùng ùng, người đứng cách mấy thước không trông thấy nhau, dưới sông thì sóng tung cuộn cuộn, vang trời động đất. Sau một hồi, gió lặng mây quang, thấy cây gạo đã bị nhổ bật, cành cây gãy nát và bị tước như cây đay vụn. Kế nghe thấy trong không có tiếng roi vọt và tiếng kêu khóc. Mọi người ngẩng lên trông có sáu bảy trăm lính đầu trâu gông trời hai người mà dẫn đi”. Trừ yêu quái cho dân xong, người này đã không nhận vàng bạc mà trở về với núi non - như đã làm xong bổn trách của mình với cuộc đời: “ Người làng đem rất nhiều tiền của để tạ ơn vị đạo nhân, nhưng đạo nhân phát áo đi vào non sâu, không lấy một tí gì cả”. Việc làm của đạo nhân trong truyện này đã được chính Nguyễn Dữ bình luận như sau: “Vị đạo nhân kia vì người trừ hại, công đức lớn lao; nhà bình luận công bằng sau này, phải nên biết đến”.

Trong *Chuyện đối tụng ở Long cung* và *Chuyện Phạm Tử Hư lên chơi thiên tào*, hình tượng đạo sĩ lại xuất hiện với một vóc dáng tương đối đặc biệt. Qua cái nhìn của quan thái thú họ Trịnh, Bạch Long hầu “... mặt mũi gầy guộc nhưng tinh thần trong sáng, đoán chắc là một kẻ ẩn sĩ lánh đời, nếu không thì một vị chân nhân đắc đạo, lại không nữa thì hẳn là một tiên khách trong áng yên hà...”. Sau đó, khi đã lộ diện, bằng phép thuật thần thông quảng đại

và năng lực biết trước tương lai, Bạch Long hầu đã từng bước tổ chức, sắp xếp để cho họ Trịnh xuống và kiện Thuồng luồng dưới long cung, cứu được vợ là Dương thị lên bờ. Câu chuyện hoang đường nhưng nhà văn đã cố tạo ra màu sắc hiện thực ở phần kết thúc tác phẩm cũng đồng nghĩa với việc gián tiếp ca ngợi công lao của Bạch Long hầu: “*Sau Trịnh có việc đến Hồng Châu, lại đi qua chỗ đến ấy, thấy tường xiêu vách đổ, bia gãy rêu trùn, duy có cây gạo đương tung bay bông trắng ở dưới bóng dương tà xế. Hỏi thăm những ông già bà cả đều nói... Bám đốt tính xem thì ngày ấy chính đúng ngày Trịnh kiện*”. Còn nhân vật Dương Trạch có màu sắc của ẩn nhân (tác giả gọi là xử sĩ), song về cơ bản, chúng tôi cho rằng nhân vật này gần với đạo sĩ tu luyện theo nhánh phái đạo giáo thần tiên hơn. Bởi lẽ, sau khi mất, người này đã đắc đạo, trở thành thần tiên có phép thuật tinh thông, được sự tin dùng của Đức Đế quân cử vào chức trực lại ở cửa Tử đồng. Chức vị như thế cũng đáng được gọi là hiển hách. Tuy nhiên, phẩm chất được nhà văn nhấn mạnh hơn cả của Dương Trạch trong câu chuyện này chính là năng lực am hiểu, thông tường việc đời, việc người nơi trần gian, thậm chí biết cả cõi trước kiếp sau của luân hồi. Khi được hỏi về một số vị quan lại phẩm chất tồi tệ, Dương Trạch đã trả lời Tử Hư: “- ...*Trong khoảng trời đất báo ứng luân hồi, chỉ có hai loài thiện ác. Người chăm làm thiện, tuy hãy còn sống, tên đã ghi ở Đế đình; người hay làm ác, không đợi đến chết, án đã thành ở Địa phủ... Không phải như người ở cõi đời, có thể mượn thế mà được*

làm quan, có thể nhờ tiền mà được khỏi vạ, hình phạt thì quá lạm, tước thưởng thì quá thiên tư, cúi đầu khom cật, dù hèn hạ cũng cật nhắc lên, đĩa đọt thằng gian, nhờ đứt lốt mà được thoát khỏi. Anh nên cố gắng, đừng gieo cái nghiệp báo ở kiếp sau này”. Và mặc dù khuyên Tử Hư nên chăm chỉ đèn sách xong Dương Trạch lại ngờ ý về một cuộc sống lí tưởng nơi thiên giới để chờ đợi Tử Hư. Dương Trạch còn cho Tử Hư được chiêm ngưỡng cuộc sống mà ông ta đang tận hưởng: “...*Tử Hư thấy một khu có những bức tường bạc bao quanh, cái cửa lớn khảm trai lộng lẫy, hai bên có những tòa lầu châu điện ngọc, vàng vạc sáng như ban ngày, sông Ngân bến Sao, ôm áp trước sau, gió thơm phung phúc, đơm ngát quanh hiên...*”. Sau đó Tử Hư có tham gia ứng thí và đỗ tiến sĩ. Dương Trạch vẫn ngầm báo những việc cát hung họa phúc cho Tử Hư được biết.

Ngoài ra, ở một cách hiểu linh hoạt về nhân vật đạo sĩ thì có thể xếp Văn Dĩ Thành trong *Chuyện tướng Dạ Xoa* cũng thuộc loại hình nhân vật này, nhất là phương diện phẩm chất và hành trạng (tất nhiên phẩm chất nho sĩ của Dĩ Thành cũng khá rõ). Dĩ Thành được tác giả gọi là kì sĩ, người ở hạt Quốc Oai. Nhân vật này được miêu tả là “*tính tình hào hiệp, không chịu để ma quỷ mê hoặc. Phàm những hoa yêu nguyệt quái, và dâm thần lệ quỷ không được liệt vào tự điển, chàng đều coi thường không sợ gì cả*”. Bằng nội công thâm hậu, người này đã điều khiển được cả lũ ma quỷ, cắt đứt công việc ngán nấp, tuyệt đối không được phạm vào dân lành: “- *Các người không được coi khinh mệnh*

lệnh, không được quen thói dâm ô, không quấy quắc để làm hại mạng của dân, ban ngày không được giả hình, ban đêm không được kết đảng. Nghe mệnh lệnh ta thì ta làm tướng các người, trái lệnh ta thì ta trị tội các người. Nghe rõ lời ta, đừng để hậu hối". Bằng năng lực cũng như phẩm chất cao quý của mình, danh tiếng của Dĩ Thành đã được Diêm la đề ý tới và tuyển Thành vào một trong bốn tướng bộ Dạ Xoa trông coi, cai quản nơi Địa phủ. Đề nghị ca đức hạnh của kì sĩ này, tác giả Nguyễn Dữ còn kể thêm về việc giúp cho người cùng làng là Lê Ngộ xin lữ quý sứ cho năm người nhà họ Lê thoát được bệnh dịch. Lê cảm ân đức của Dĩ Thành nên ngay sau đó đã "...lập miếu ở nhà để thờ. Người làng đến khấn vái kêu cầu cũng thường ứng nghiệm". Nghĩa hiệp của Dĩ Thành được Nguyễn Dữ ca ngợi: "*Chỉ có một điều đáng nói là sự giao du của Dĩ Thành, khi đã coi ai làm người bạn chân chính thì sống chết không đổi thay, hoạn nạn cùng cứu gỡ. Đòi những kẻ kết bạn ở chung quanh mâm rượu, gan dạ đảo điên, hễ lâm đến sự lợi hại thì lờ đi như không biết nhau, nghe chuyện này há chẳng chạnh lòng hổ thẹn sao".* Ca ngợi những kì tích của Dĩ Thành như vậy, tất nhiên nhà văn còn gián tiếp thể hiện sự phê phán đối với chính thể, quan lại đương triều lúc bấy giờ và thể hiện mơ ước lí tưởng của mình về một trật tự xã hội có công bằng, kỉ cương.

Còn trong *Chuyện gã Trà đồng giáng sinh*, nhà văn đồng thời xây dựng hai nhân vật: một là đạo nhân thông tỏ việc đời, thấu hiểu cương thường đạo lí, phép thuật biến hóa tinh thông. Đây là lời vị đạo nhân dạy

bảo Dương Đức Công: "*- Đây đức là nên từ thiện, của là kho tranh giành. Tích đức như mầm non rỏ một giọt nước, sẽ nảy nở lên, tích của như lúa đỗ gieo một khối băng, sẽ tàn lụi xuống. Huống chi không vun mà lớn là mầm thiện ác, không giữ mà đầy là cơ phúc họa...".* Và cũng bằng phép thuật của mình, vị đạo nhân đã cứu ông Dương khỏi bọn ma quái khi đi qua cửa Hải Khẩu: "*Ông sực nhớ đến lời đạo nhân, bèn theo như cách đã dặn mà gọi tên ông ta. Thoắt chốc đã thấy một cỗ xe bay đến, dừng dừng lại ở trên không, hai bên có ngọc nữ tiên đồng châu hầu rất nghiêm túc. Đạo nhân gọi với chúng quý mà bảo rằng: - Lữ này đấm đuổi, nghiệp chướng nặng nề, thườ sống đã phạm vào điển chương, lúc chết còn gây thêm tội nghiệt, oan oan nối tiếp, biết thu ở nào thôi. Sao không rửa ruột đổi lòng, quay về đường chính. Ta sẽ tâu lên Thượng đế, tẩy oan hồn đi cho...".* Và chính Dương Đức Công cũng là một kiểu đạo sĩ đạt đạo: "*Dương bèn từ giữ vợ con rồi không biết đi đàng nào mất. Sau đó có người gặp Dương ở núi Đông Thành, người ta ngờ là đã đắc đạo thành tiên".* Còn nhân vật Ngô Tử Văn trong *Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên* vốn chỉ là một nho sinh song tính tình "*khẳng khái nóng nảy, thấy sự tà gian thì không thể chịu được, vùng bắc người ta vẫn khen là một người cương phượng".* Bằng hành đót đèn do tên yêu quái vốn là hồn ma viên Bách hộ họ Thôi chiếm giữ mà Tử Văn sau đó đã bị triệu xuống và đối chất tại cửa Diêm vương. Tử Văn thắng và được tiến cử vào chức Phán sự đền Tản Viên. Kết thúc tác phẩm là hình ảnh Tử

Văn đã đắc đạo thành tiên: “*Năm Giáp Ngọ 1414 có người ở thành Đông Quan vốn quen biết với Tử Văn, buổi sớm đi ra ngoài cửa tây vài dặm, trông thấy ở trong sương mù có xe ngựa đi đến ầm ầm, lại nghe thấy tiếng quát rằng... Người ấy ngẩng đầu trông về phía trước, người ngồi trên xe chấp tay thi lễ chứ không nói một lời nào, rồi thoát đã cưỡi gió mà đi biến mất*”.

2.2. Kiểu nhân vật dật sĩ

Nếu như kiểu nhân vật đạo sĩ/ đạo nhân/ kì nhân như vừa được nhắc đến phía trên là sự thể hiện sự ảnh hưởng Đạo giáo cũng như gửi gắm một số khát vọng thời thế của nhà văn thì kiểu nhân vật dật sĩ (cũng có thể gọi là người ẩn dật) lại chính là hình ảnh của Nguyễn Dữ. Khảo sát tập truyện, chúng tôi thấy có 3 truyện thể hiện rõ nhất cho kiểu nhân vật này là 1) *Chuyện Từ Thức lấy vợ tiên*, 2) *Chuyện đối đáp của người tiều phu ở núi Na*, và 3) *Chuyện bữa tiệc đêm ở Đà Giang*. Đặc điểm chung của các dật sĩ này là tìm cách sống lánh đời, hòa nhập trong thiên nhiên, lấy cỏ cây, sông suối, vượn hạc, mây nước làm bầu bạn. Tất nhiên họ vẫn thể hiện sự quan tâm của mình đối với thế cuộc. Câu chuyện Từ Thức có khá nhiều dư vị lí thú. Theo tự sự của tác giả thì Từ Thức mang hình bóng của chính nhà văn: “*Trong năm Quang Thái đời nhà Trần, người ở Hóa Châu tên là Từ Thức, vì có phụ ám được bỏ làm tri huyện Tiên Du*”. Từ Thức làm quan song lại bỏ bê việc quan. Thậm chí Từ Thức còn “*...vốn tính hay rượu, thích đàn, ham chơi, mến cảnh, việc sổ sách bỏ ùn cả lại...*”. Điều mà bình thường với một viên quan mẫn cán với việc công sẽ là đáng lên án nhưng với

hoàn cảnh lịch sử cụ thể lúc đó và bản thân con người này muốn sẽ không làm quan nữa thì lại có thể chấp nhận được. Đợi đến khi quan trên nhắc nhở:

“- *Thân phụ thầy làm đến đại thần mà thầy không làm nổi một chức tri huyện sao!*

Từ than rằng:

- *Ta không thể vì số lượng năm đấu gạo mà buộc mình trong áng lợi danh. Âu là một mái chèo vè, nước biếc non xanh vốn chẳng phụ gì ta đâu vậy!*”

Không chịu “*buộc mình trong áng lợi danh*” là tuyên bố cho lí do căn bản mà Từ Thức từ quan, con người này đi theo tiếng gọi của thiên nhiên, vượn hạc, trăng nước mây trời... Sau đó nhờ thiên duyên với Giáng Hương, Từ Thức lên cõi tiên và sống cuộc sống tiên giới. Tuy nhiên, cuộc vui phút chốc chẳng tày gang. Từ Thức lên cõi tiên như một thể nghiệm về một cuộc sống khác của ẩn sĩ lánh đời lúc bấy giờ, nhưng Từ Thức đã thất bại ngay khi ở trên tiên giới. Tấm lòng của Từ Thức vẫn không thôi ngóng về cuộc sống trần tục và chàng đã tìm đường quay trở về. Tuy vậy, kết cục của sự trở lại đó là ngõ ngang và cảnh vật, làng quê cũng như con người đều đổi khác. Thể hiện hình tượng nhân vật như vậy, Nguyễn Dữ đã bộc lộ sự lúng túng, có phần dè dặt trong việc tìm kiếm một cách thế sống cho dật sĩ cũng như cho chính ông đương thời.

Hai nhân vật dật sĩ khác rất đáng chú ý là tú tài họ Viên và xử sĩ họ Hồ trong *Chuyện Bữa tiệc đêm ở Đà Giang*. Theo miêu tả của Nguyễn Dữ, họ đích thị là những dật sĩ lánh đời: “*Chúng tôi nương mình bên cạnh khói, nấu vết chốn làng*

mây, ngủ thì lấy cỏ làm đệm êm, khát thì lấy nước suối làm rượu ngọt, vương chân có hoa lá, kết bạn có hươu nai, chỉ biết ăn bách nhai từng, ngắm trăng vịnh gió, ngõ hầu mới khỏi vương lưới trần. Ai hơi đâu mà đi io giúp việc đời dù chỉ nhỏ một sợi lông... Chúng tôi vốn là những người phóng lãng, không chịu ở trong vòng ràng buộc. Trước vẫn hay thơ, thường ngâm vang cả núi”. Dưới đây là một bài thơ mà xử sĩ họ Hồ ngâm:

*Khe trong suối biếc nước ngon lành
Đường thề chi màng đến lợi danh
Hành đá dễ nương mình phóng
khoáng
Vòng trần khôn đặt bước chông
chênh
Bóng tà giác tỉnh trơ hình núi
Băng lạnh đêm tàn cạn trống
canh
Mây khói rồi đây không dấu vết
Đôi mình buộc chặt nghĩa non
xanh.*

Còn đây là bài thơ của tú tài họ Viên:

*Nghìn suối muôn khe có lối thông,
Mặc dầu tha thẩn bước tây đông.
Tung tăng lúc giỡn cơn mưa
núi,
Đứng đỉnh khi chờ ngọn gió
sông.
Tiếng bật bờ Tương gào bóng
xé,
Lệ tràn đất Sở khóc dây cung.
Tôi lên rừng, bác vào hang núi,
Tìm chốn yên thân cũng một
lòng.*

Trong hai bài thơ, không gian, môi trường sống của người ẩn sĩ đã được miêu

tả là rừng, là hang núi, suối trong, nước biếc, trăng trời mây nước... Đó là một không gian thiên nhiên trong sạch, thanh bình, tĩnh lặng trong sự hòa nhập, ung dung, tự tại, phóng khoáng... của người dật sĩ. Họ là những người trong trắng, liêm khiết, đạo cao, đức trọng. Họ từ chối lợi danh và tự nhận thấy mình bị lạc lõng giữa vòng cương thường tục lụy. Còn dật sĩ núi Na sống hòa vào không gian núi rừng “*chỉ thấy cười mây lách khói, đi trong khoảng cành từng khóm trúc... đường núi gập ghềnh, càng vào sâu càng khó đi lắm, rồi trong thoắt chốc đã chẳng thấy người đâu cả...*”. Dật sĩ này còn đề thơ trên vách đá thể hiện quan điểm cũng như cuộc sống ẩn sĩ của mình. Đây là một đoạn trong *Bài ca thích ngủ*:

*Thích gì? Ta thích ngủ thôi,
Vì chung ngủ được, trong người sơn
sang.
Nhân duyên se chặt giường màn,
Trúc mai, rừng suối, muôn vàn cảnh
thanh.
Quanh mình bạn đồ hầu xanh,
Giấc ngon bừng tỉnh, tâm linh nhẹ
vèo.
Bưng tai chuyện thế eo xèo,
Khoanh tay ngắt ngưỡng, nằm khoèo
bên mây.
Lều tranh một túp xinh thay,
Nam Dương nọ kẻ tháng ngày thánh
thời...*

Còn đây là phát biểu trực tiếp về bản thân của nhân vật này: “*Ta là kẻ dật dân trốn đời, ông lão già lánh bụi, gửi tính mệnh ở lều tranh quán cỏ, tìm sinh nhai trong búa gió riu trắng, ngày có lối vào*

làng say, cửa vắng vết chân khách tục; bạn cùng ta là hươu nai tôm cá, quần bên ta là tuyết gió trăng hoa; chỉ biết đông kếp mà hè đơn, nằm mây ngủ khói; mức khe mà uống, bới núi mà ăn; chứ biết gì đâu ở ngoài là triều đại nào, vua quan nào”. Tuy nhiên, sống lánh đời như vậy, không có nghĩa là dật sĩ núi Na không màng thế sự. Ngược lại, qua câu chuyện đối đáp với Trương công, hóa ra dật sĩ lại am tường tình hình chính sự đương thời với những phân tích luận giải hết sức thuyết phục: “*Ta tuy chân không bước đến thị thành, mình không vào đến cung đình, nhưng vẫn thường được nghe tiếng ông vua bây giờ là người thế nào. Ông ấy thường đối trá, tính nhiều tham dục, đem hết sức dân để dựng cung Kim Âu, đốc cạn của kho để mở phố Hoa Nhài, phao phí gấm lụa, vung vãi châu ngọc, dùng vàng như cỏ rác, tiêu tiền như đất bùn, hình ngục có cửa dứt là xong, quan chức có tiền mua là được, kẻ dâng lời ngay thì giết, kẻ nói điều nịnh thì thưởng; lòng dân động lay...*”. Và dù Trương công có vờ ông như thế nào thì ông vẫn một mực chối từ “*Xin ông vui lòng trở về, làm ơn từ chối hộ kẻ cư sĩ này. Ta không thể đem hòn ngọc Côn Sơn cho nó cùng cháy trong ngọn lửa Côn Sơn được*”. Sau Hán Thương cả giận mà sai đốt núi cũng chẳng thấy tung tích gì của dật sĩ đắc đạo “*chỉ thấy con hạc đen lượn trên không bay múa. Sau cha con họ Hồ gặp phải tai họa đều đúng như lời thơ*”.

Có thể nói, nhân vật dật sĩ trong *Truyện kì mạn lục* bộc lộ khá rõ, khá cương quyết thái độ bất hợp tác với triều chính. Họ coi triều chính lúc đó không đáng để họ

hợp tác: “*Những giống tinh thông nhanh nhẹn thì tự nhiên chúng biết cao chạy xa bay, đàng nam núi nam, đàng bắc núi bắc, há chịu trần trần áp cây một phận đâu*”. Họ phê phán triều đình không biết dùng người hiền là họ để mang lại bình an, ấm no và hạnh phúc cho xã hội, cho đất nước cũng như người dân lúc bấy giờ. Đặc biệt là sự phê phán thái độ hiềm khích, đố kỵ người tài. Nhưng bên cạnh đó, dật sĩ lại là người tri túc, họ nhận thức được khá đầy đủ về bản thân họ: từ ý chí, khát vọng đến hiện thực tài năng: “*Kẻ sĩ ai có chí nấy, hà tất phải vậy!... Tài ta tuy kém, so với người xưa chẳng bằng được... Nếu lại còn tham những cái ở ngoài phận mình, len lỏi vào đường làm quan, chẳng những xấu hổ với những bậc tiên hiền, lại còn phụ bạc với vợ con hạc ở trong núi*” (*Chuyện đối đáp của người tiều phu ở núi Na*).

Nhận xét về nhân vật dật sĩ trong *Truyện kì mạn lục*, Bùi Duy Tân (1999) viết: “*Nếu như ẩn dật là một thái độ tiêu cực, là biểu hiện của sự bất lực, là trốn đời để vui thú lâm tuyền, ngao du sơn thủy, thì sự phủ nhận kẻ đương quyền và khẳng định phẩm chất của kẻ sĩ không ham lợi danh, không chịu luồn cúi, lại ít hoặc nhiều có mặt tích cực*” (tr.372-408). Chúng tôi đồng tình với tác giả ở góc độ thứ hai của vấn đề, còn trong suy nghĩ “*ẩn dật là một thái độ tiêu cực*” có lẽ không hoàn toàn như vậy. Vì như ở phần trên đã nói, trong một hoàn cảnh lịch sử cụ thể, với hoàn cảnh của mỗi cá nhân, không thể yêu cầu người này lựa chọn giống người kia được. Những dật sĩ mang hình bóng và tâm sự của Nguyễn Dữ có thể cộng tác với triều chính, hoàn

toàn có thể? Song lựa chọn con đường thoái ẩn lại là một lựa chọn tốt hơn với bản thân họ trong hoàn cảnh xã hội - thời đại lúc đó. Mà suy cho cùng, vì có về ở ẩn nên Nguyễn Dữ mới có thể tự do, thoải mái, phóng túng, trực tiếp trong việc bộc lộ thái độ, lối sống ẩn dật của mình. Và có về ẩn dật, dật sĩ mới tiện bề trong việc phản ánh hiện thực, thể hiện sự quan tâm trở lại với triều chính. Trên thực tế, hầu hết các dật sĩ trong *Truyền kì mạn lục* đều không hoàn toàn quên đời, thoát tục. Từ Thức có lên cõi tiên rồi cuối cùng cũng trở về với trần tục. Rồi sự đối đáp giữa tú tài họ Viên và xử sĩ họ Hồ với Hồ Quý Ly cũng không nằm ngoài sự quan tâm của Nguyễn Dữ với xã hội, triều chính. Như vậy, trong sâu thẳm khát vọng của dật sĩ, họ vẫn ngóng trông về thế tục - nơi đó mới là nơi mà ước mơ và khát vọng, lí tưởng của họ có cơ hội cháy lên được. Song do hoàn cảnh xã hội, triều đại cụ thể và bản thân nên Nguyễn Dữ không thể tiếp tục cộng tác. Nguyễn Dữ đã chuyển việc ở ẩn từ bắt buộc trở thành một lối sống, một cách sống và bản thân ông đã sống trọn vẹn cuộc đời ẩn dật trong sự tiêu dao, liêm khiết và cao cả của một danh nho thời bấy giờ. Thái độ từ quan - quy ẩn của Nguyễn Dữ có thể nói là sự kết tinh hình bóng và tâm sự của kẻ sĩ Việt Nam trước ông, sau ông và đương thời.

Con đường, sự lựa chọn mà Nguyễn Dữ đã đi, đã chiêm nghiệm, đã đánh đổi bằng cả một đời người lại tiếp tục được mở ra với nhiều danh sĩ sau này. Ông không bao giờ tuyệt vọng trước cuộc đời mặc dù sự thay đổi của đất nước như thế nào, bản thân ông chưa nhìn ra được, bởi đó là hạn chế chung của lịch sử chứ không phải của riêng ông.

3. Kết luận

Bằng việc khảo sát, phân tích và luận giải, có thể khẳng định sự thành công của Nguyễn Dữ trên phương diện xây dựng các loại hình nhân vật nói chung, loại hình nhân vật đạo sĩ và dật sĩ nói riêng trong tập truyện. Từ tư thế của một nhà nho ẩn dật, với lợi thế thể loại, Nguyễn Dữ đã khá tự do, phóng túng trong việc tạo cho hai kiểu nhân vật này những sắc màu kì ảo song vẫn có những hạt nhân gắn bó chặt chẽ với hiện thực. Thông qua kiểu nhân vật là đạo sĩ cũng như dật sĩ, Nguyễn Dữ cũng đã có dịp bày tỏ, gửi gắm những quan điểm, nhận thức và tư tưởng khát vọng của mình về một xã hội công bằng, người dân được hưởng cuộc sống bình an, hạnh phúc. Điều đó đã góp phần đáng kể, cùng với các phương diện nội dung khác, khẳng định vị trí hàng đầu của ông đối với sự phát triển của thể loại cũng như sự nở rộ sau đó trào lưu nhân văn chủ nghĩa trong văn học trung đại Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cù Hữu, Nguyễn Dữ. (1999). *Tiến đǎng tân thoại - Truyền kì mạn lục*. Phạm Tú Châu, Trúc Khê Ngô Văn Triện dịch, Trần Thị Băng Thanh giới thiệu và chỉnh lí. Hà Nội: NXB Văn học.
- Toàn Huệ Khanh. (2004). *Nghiên cứu so sánh tiểu thuyết truyền kì Hàn Quốc - trung Quốc - Việt Nam thông qua Kim Ngao tân thoại, Tiến đǎng tân thoại, Truyền kì mạn lục*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Bùi Duy Tân. (1999). “*Truyền kì mạn lục*”, một thành tựu của truyện kí văn học viết bằng chữ Hán”. *Khảo và luận một số tác gia tác phẩm văn học trung đại Việt Nam*, tập 1. Hà Nội: NXB Giáo dục, tr.372-408.
- Lê Văn Tấn. (2013). *Tác giả nhà nho ẩn dật và văn học trung đại Việt Nam*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
- Lê Văn Tấn. (2013). Loại hình tác giả nhà nho ẩn dật trong văn học trung đại Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, số 10, tr.43-58.
- Lê Văn Tấn. (2015). Hình tượng dật sĩ trong văn chương tác giả nhà nho ẩn dật. *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, số 5, tr.95-103.
- Vũ Thanh. (2007). *Thể loại truyện kì ảo Việt Nam thời trung đại - quá trình nảy sinh và phát triển đến đỉnh điểm. Văn học Việt Nam thế kỉ X-XIX - Những vấn đề lí luận và lịch sử*, Trần Ngọc Vương chủ biên. Hà Nội: NXB Giáo dục